TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;

Ông Mai Trần Phúc .

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*: bà Ngô Trần Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 455/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072189000235, cấp ngày 15/4/2021 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; Số CMND: 290946130, do Công an tỉnh T cấp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Võ Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C (nay là xã H), tỉnh Tây Ninh vào ngày 15/5/2007. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến tháng 6 năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm,

anh N nghi ngờ ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, từ đó không còn tiếng nói chung. Chị T về nhà mẹ ruột sống từ tháng 6 năm 2025 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh N không liên hệ hỏi thăm hay hàn gắn tình cảm gì với chị. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị T và anh N có 03 người con: Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 30/10/2004; Trần Tuấn V, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Ngọc Khả V1, sinh ngày 04/7/2016. Chị T đồng ý giao 02 con chung tên Tuấn V và Khả V1 cho anh N nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; con chung tên Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh:

+Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

+Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Trần Văn N.

Về con chung: Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 30/10/2004, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Tuấn V, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Ngọc Khả V1, sinh ngày 04/7/2016. Hiện con chung đang sống với anh N, chị T đồng ý giao 02 con chung là Tuấn V và Khả V1 cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn N; anh N là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh N vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, huyện C (nay là xã H), tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong đời sống vợ chồng, chị T và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay không còn chung sống và anh N cũng không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T và anh N ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 30/10/2004, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Tòa án không giải quyết;

Trần Tuấn V, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Ngọc Khả V1, sinh ngày 04/7/2016, hiện đang sống với anh N. Chị T đồng ý giao 02 con chung tên Tuấn V và Khả V1 cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: chị T khai không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị T phải chịu án phí hôn nhân

gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc ly hôn với anh Trần Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị T và anh Trần Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 30/10/2004, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Tòa án không giải quyết;

Giao cháu Trần Tuấn V, sinh ngày 20/6/2010 và Trần Ngọc Khả V1, sinh ngày 04/7/2016 cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T xác định không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005486 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV. TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 10- TN;
- THADS tỉnh TN;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (mã hs: 001.149.10.03.2507).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng